

## VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO NAM TÔNG VỚI ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

• ThS. Hoàng Thị Quyên<sup>(\*)</sup>

### Tóm tắt

*Bài viết tập trung mô tả niềm tin, thực hành tôn giáo (Phật giáo Nam tông), từ đó chỉ ra vai trò của Phật giáo Nam tông trong đời sống của người Khmer Nam Bộ. Với người Khmer, triết lý đạo Phật trở thành tư tưởng chủ đạo trong ý thức hệ, nó tác động sâu sắc đến tính cách, lối sống của con người nơi đây. Các sự kiện mang ý nghĩa lịch sử trong cuộc đời của một người Khmer từ khi sinh ra, lớn lên, đi tu, cưới vợ, lấy chồng và mất đi, tất cả đều được tổ chức theo những tập tục riêng, ít nhiều mang màu sắc Phật giáo. Ngôi chùa có vị trí, vai trò đặc biệt đối với cộng đồng này.*

*Từ khóa: Niềm tin tôn giáo, thực hành tôn giáo, vai trò Phật giáo Nam tông, giáo lý Phật giáo, tính cách, lối sống của người Khmer*

### 1. Đặt vấn đề

Người Khmer ở Việt Nam hiện nay có trên 1.260.000 người, sống tập trung đông nhất ở các tỉnh: Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre, Vĩnh Long, Kiên Giang và An Giang [4, tr. 8]. Đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người Khmer rất đa dạng và phong phú, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc. Chúng ta có thể kể đến một số hình thức tín ngưỡng dân gian của người Khmer như: tín ngưỡng Tôtem, tín ngưỡng Arăk, tín ngưỡng Neak Tà, tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp. Về tôn giáo, người Khmer theo đạo Balamôn, Công giáo, đạo Tin lành nhưng Phật giáo Nam tông vẫn là tôn giáo có ảnh hưởng rộng rãi và sâu sắc nhất đến cuộc sống của cộng đồng này. “Ở đây Phật giáo có vai trò rất lớn, gần như chi phối mọi sinh hoạt của con người từ thành thị đến nông thôn. Từ nhiều thế kỷ qua Phật giáo Nam tông đã được xem như là quốc giáo. Hình dáng đức Phật luôn là chỗ dựa tinh thần vững chắc nhất, tồn tại trong kí ức của người Khmer Nam bộ từ lâu đời, vì vậy các phong tục, tập quán, lễ hội dân gian cho đến các sinh hoạt tinh thần trong đời sống xã hội đều có ít nhiều mang màu sắc Phật giáo” [3, tr. 224]. Bài viết tập trung mô tả vai trò của Phật giáo Nam tông trong đời sống người Khmer qua việc phân tích ảnh hưởng của giáo lý, của thực hành và niềm tin tôn giáo đến văn hóa, lối sống của người Khmer Nam bộ.

### 2. Ảnh hưởng của giáo lý Phật giáo đến tính cách, lối sống của người Khmer

Trong suốt chiều dài phát triển của mình, vào thời kỳ kết tập kinh điển lần II (khoảng 100 năm sau khi đức Phật nhập Niết Bàn) Phật giáo có sự phân chia phái bộ thành: Đại Chúng Bộ (Mahāsamghika) bao gồm những Tỳ Kheo trẻ muốn thay đổi 10 điều trong giới luật và số còn lại bao gồm những nhà sư chủ trương giữ nguyên giới luật nguyên thủy hình thành Thượng Tọa Bộ (Theravada). Phái Đại Chúng Bộ phát triển đạo của mình lên phía Bắc sang Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên... được gọi là Phật giáo Bắc tông hay Phật giáo Bắc truyền. Phái Thượng Tọa Bộ truyền đạo về hướng nam, phát triển xuống Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Campuchia, Lào... nên được gọi là Phật giáo Nam tông, Phật giáo nguyên thủy hay Phật giáo Tiểu Thừa. Phật giáo Nam tông theo các nhà truyền giáo từ Ấn Độ vào vùng Đồng bằng sông Cửu Long từ rất sớm, có tài liệu ghi vào thế kỷ thứ III, có tài liệu ghi thế kỷ thứ IV. Khi vào Việt Nam, Phật Giáo Nam tông được đông đảo người dân nơi đây đón nhận, đặc biệt là người Khmer. Đến đầu thế kỷ XX, đại bộ phận các phum, sóc của người Khmer đều có chùa thờ Phật. Phật giáo Nam tông trở thành tôn giáo chính của cộng đồng này. Do vậy, Phật giáo Nam tông ở người Khmer còn được gọi là Phật giáo Nam tông Khmer.

“Giáo lý của Phật giáo Nam tông Khmer dựa trên nền tảng Tam Tạng Kinh bằng tiếng Pali (Pali Tipitaka). Hệ thống Tam Tạng Kinh nguyên thủy bằng tiếng Pali gồm Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng” [6, tr. 34]. Hiện nay, hệ phái Phật giáo

<sup>(\*)</sup> Khoa Xã hội học, Học viện Chính trị khu vực IV.

Nam tông Khmer đã được các cơ quan chức năng cho phép nhập 350 bộ Đại Tạng Kinh bằng chữ Khmer cho các chùa Phật giáo Nam tông Khmer ở Nam Bộ. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho người dân Khmer tiếp cận với giáo lý của Phật giáo.

Đặc điểm chủ yếu trong giáo lý Phật giáo là hướng con người đến cái thiện. “Đạo Phật theo đạo đức luận, lấy nhân quả làm phép tắc chủ yếu xuyên suốt trong kinh sách để giáo dục con người, lấy nhân nghĩa làm nền tảng đạo đức, lấy tình thương xóa bỏ hận thù, lấy cuộc sống giản dị chân chính, đoàn kết, bình đẳng, bác ái làm lẽ sống, lấy tinh thần dân chủ, công bằng, không phân biệt đẳng cấp làm chuẩn mực trong sinh hoạt cuộc sống, lấy con đường trung dung làm cơ sở hành động” [4, tr. 109-110]. Hệ thống giáo lý của Phật giáo thể hiện quan điểm nhân văn sâu sắc. Hơn nữa, các chuẩn mực đạo đức của Phật giáo rất cụ thể, gần gũi nên nó dễ đi vào đời sống của người dân. Ví dụ, Phật giáo đưa ra quy định về “ngũ giới (không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu); thập thiện (trong đó có ba điều thuộc về thân là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm; ba điều thuộc về ý thức là không tham lam, không thù hận, không si mê; bốn điều thuộc về khẩu là không nói dối, không nói thêu dệt, không nói hai điều, không ác khẩu.)” [8, tr. 7].

Được tiếp xúc và giáo dục theo tinh thần của Phật giáo trong suốt cuộc đời, nên triết lý đạo Phật trở thành tư tưởng chủ đạo trong ý thức hệ của mỗi người Khmer, nó tác động sâu sắc đến tính cách, lối sống của con người nơi đây. Nhân đạo, thương người, dễ đồng cảm với người nghèo khổ là nét tính cách của đa số người Khmer, điều này ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quan niệm nhân quả, tư tưởng vị tha của đạo Phật. Người dân nơi đây tin rằng, đi chùa làm phước cũng như làm ruộng, làm càng nhiều được phước càng nhiều và ngược lại. Họ tin rằng, bố thí là để làm phước, trong những hình thức làm phước thì cúng dường thức ăn cho sư sãi và cúng tiền của để xây dựng và tu bổ chùa hay làm các công việc phúc lợi của Phật giáo là phước lớn nhất: “tất cả vàng bạc của cải đều có thể bị mất, chỉ có làm phước bằng cách dâng cúng vào chùa thì cái phước ấy không ai cướp được” [3, tr. 224]. Sống theo giáo lý nhà

Phật, người Khmer dùng tiền kiếm được chi tiêu rất ít cho gia đình mà giành phần lớn để cúng vào việc xây dựng chùa. Sau khi lo việc cưới cho con, người Khmer thường đem một phần tài sản cúng vào chùa để làm phước tích đức cho kiếp sau.

Tinh thần cầu an, chấp nhận cuộc sống hiện tại của Phật giáo ảnh hưởng không nhỏ đến lối sống của người dân. Người Khmer coi trọng đời sống tinh thần hơn vật chất. “Tâm lý xã hội chủ yếu là hướng về “an bản, lạc đạo”, yên phận với nghèo nàn lạc hậu, ít chú ý đến cạnh tranh để phát triển” [3, tr. 237]. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng người Khmer. “Theo điều tra tình hình đời sống của người Khmer ở tỉnh Sóc Trăng vào năm 1993, có tới 67,48% số hộ người Khmer là hộ nghèo. Ở hai huyện nghèo nhất tỉnh là Long Phú, hộ nghèo chiếm tới 72,02% và Mỹ Tú, hộ nghèo chiếm 72,65%. Như vậy, hơn 2/3 số hộ người Khmer rơi vào cảnh đói nghèo” [7]. Các nghiên cứu gần đây nhất cũng chỉ ra rằng tỷ lệ hộ gia đình người Khmer rơi vào tình trạng đói nghèo luôn duy trì ở mức cao. Số liệu thống kê tỉnh Sóc Trăng năm 2011 cho thấy tỷ lệ hộ nghèo người Khmer là 36,5% chiếm 43,4% số hộ nghèo trong toàn tỉnh [2, tr. 86]. Các nhà khoa học giải thích hiện tượng đói nghèo dai dẳng của người Khmer một phần do địa bàn sinh sống của người Khmer luôn xa trung tâm văn hóa, xa chợ, xa trường, xa trụ sở làm việc của các cấp chính quyền... Nhưng tại sao người Khmer lại luôn cư trú ở các địa bàn ít thuận lợi cho sự phát triển kinh tế? Điều này có thể giải thích do nhiều lý do nhưng một trong những lý do đó liên quan đến yếu tố lịch sử và tôn giáo. Các trung tâm văn hóa, chính trị thường đông đúc và ồn ào trong khi đó ngôi chùa - trung tâm văn hóa, nơi sinh hoạt chung của người Khmer lại phù hợp hơn với những nơi yên tĩnh, thanh tịnh [10, tr. 263]. Đây là một lý do giải thích vì sao người Khmer lại thường sinh sống ở vùng sâu, vùng xa nơi có ít điều kiện thuận lợi cho sự phát triển.

Mặc dù tỷ lệ hộ đói nghèo của cộng đồng người Khmer luôn cao hơn các dân tộc khác như người Kinh hay người Hoa nhưng trong cộng đồng này có rất ít người ăn xin. Điều này là do người Khmer rất đoàn kết, sống có trách nhiệm với cộng

đồng. Họ thường giúp đỡ nhau trong lao động, sản xuất và trong đời sống. Người nghèo, người cơ nhỡ đều được cộng đồng giúp đỡ. Những nét tính cách này ít nhiều chịu ảnh hưởng của tư tưởng bình đẳng, bác ái, đoàn kết, nhân nghĩa trong giáo lý Phật giáo.

### 3. Ảnh hưởng của niềm tin và thực hành tôn giáo đến đời sống của người Khmer

Niềm tin tôn giáo luôn luôn chiếm vị trí quan trọng trong cấu trúc tôn giáo. Người ta không thể trở thành tín đồ của một tôn giáo, nếu không có niềm tin vào tôn giáo đó. “Niềm tin là định hướng giá trị được xác định vững chắc trong nhận thức và chi phối hành động của con người. Niềm tin không chỉ tác động đến trí tuệ mà còn tác động đến tình cảm. Nó có thể làm thay đổi ý thức, động cơ và lối sống của cá nhân” [9, tr. 20]. Nhà Xã hội học nổi tiếng người Mỹ T. Parson cho rằng, hành động của con người bị chi phối bởi hệ thống văn hóa như giá trị, chuẩn mực xã hội, niềm tin tôn giáo.

Người Khmer rất tin ở Đức Phật. Phật là nơi che chở về mặt tinh thần giúp họ vượt qua mọi nguy hiểm trong cuộc sống. Khi gia đình có người ốm đau hay gặp khó khăn, hoạn nạn, họ đều mời sư sãi đến nhà tụng kinh, niệm Phật mong cho tai qua nạn khỏi. Vì vậy, mọi gia đình đều thờ Phật, Phật được đặt ở vị trí trang trọng nhất, thường cao hơn bàn thờ tổ tiên.

Các sự kiện mang ý nghĩa lịch sử trong cuộc đời của một người Khmer từ khi sinh ra, lớn lên, đi tu, cưới vợ, lấy chồng và mất đi, tất cả đều được tổ chức theo những tập tục riêng. Trong các sự kiện ấy đều có sự tham gia ít nhiều của các vị sư hay nói cách khác, nó đều được tổ chức vừa mang tính dân gian vừa mang sắc thái tôn giáo. “Người Khmer dùng từ Bon và Pithi để chỉ tất cả các đám lễ của họ. Bon hay Bonya chỉ những đám lễ được làm theo đúng ba hạnh của Phật giáo là thọ giới, bố thí và niệm. Còn Pithi là những đám lễ nhỏ hơn thường bắt nguồn từ những tín ngưỡng dân gian mà về sau bị tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo đồng hóa ít nhiều. Ví dụ: lễ cắt tóc trả ơn mẹ - pithi cắt sok bong bak chmon; lễ giáp tuổi - pithi pidop chnon...” [6, tr. 34].

Những thực hành tôn giáo như việc vào chùa tu hành, thực hiện các nghi lễ của Phật giáo là một

phần không thể thiếu trong suốt cuộc đời một người Khmer. “Hầu hết đồng bào Khmer dù vào chùa tu hay không, họ đều tự nguyện xem mình là tín đồ của đạo Phật” [1]. Việc tu hành đối với người Khmer không được coi là bổn phận hay nhiệm vụ mà là một điều vinh dự. Mọi người đều có thể tu hành, riêng con trai đến 12, 13 tuổi phần đông được vào chùa tu hành một thời gian hay tu suốt đời tùy ý.

Mục đích cuối cùng ở việc đi tu của người Khmer không phải là để trở thành Phật mà tu để làm người có nhân cách, có phẩm chất và đạo đức tốt [4, tr. 111]. Việc vào chùa đi tu và việc tham gia vào các hoạt động tôn giáo góp phần hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống của mỗi tín đồ đạo Phật người Khmer. Cộng đồng người Khmer cũng đánh giá nhân cách và đạo đức của mỗi cá nhân qua việc các cá nhân thực hành các nghi lễ hay tham gia vào hoạt động mang tính tôn giáo chung. Người Khmer tin rằng, vào chùa tu hành là để sau này hoàn tục trở thành người đầy đủ điều kiện về nhân cách, phẩm chất,... Do đó, người nào không xuất gia tu hành thì bị mọi người khinh rẻ, khó hoà nhập vào cộng đồng. Như vậy, với cộng đồng người Khmer việc thực hành tôn giáo đã trở thành thước đo, một tiêu chuẩn để đánh giá nhân cách, đạo đức của cá nhân; thậm chí nó là nhân tố quyết định việc cá nhân đó có đủ tư cách để xây dựng gia đình hay không? Những người con trai Khmer chưa vào chùa đi tu thì rất khó lấy vợ, vì người con gái Khmer cho rằng đó là những người chưa đủ phước làm chồng, chưa đủ điều kiện để tiến đến hôn nhân. Ngược lại, những người sau khi đã tu hành trở về gia đình và cộng đồng đón tiếp như những người “đỗ đạt”, được cộng đồng tôn trọng và rất dễ xây dựng gia đình [1].

### 4. Vị trí, chức năng của các ngôi chùa trong cộng đồng người Khmer

Khi nói đến Phật giáo trong cộng đồng người Khmer chúng ta không thể không nhắc đến vị trí, chức năng của ngôi chùa. Người Khmer tin rằng: chùa mới là đại gia đình của họ, do đó, người Khmer thường sống trong những ngôi nhà đơn giản nhưng lại xây dựng những ngôi chùa rất đồ sộ, uy nghi, lộng lẫy. Không chỉ sư sãi mà phần

lớn đồng bào Khmer đều gắn bó với chùa. Họ đến chùa không chỉ để thực hành nghi lễ tôn giáo mà còn để vui chơi trong những ngày hội, giải trí trong lúc rảnh rỗi và để học tập. Ngoài chức năng tôn giáo, chùa của người Khmer còn thực hiện rất nhiều chức năng khác. Vì vậy, chùa có vị trí vai trò đặc biệt đối với cộng đồng.

Chùa là nơi thực hành chức năng giáo dục. Trước kia chùa là nơi duy nhất thực hành chức năng giáo dục cho cộng đồng. Ngày nay, người Khmer đã có trường học nhưng chức năng giáo dục vẫn được thực hành trong các ngôi chùa. Người Khmer đến chùa không chỉ để đọc sách, báo, xem truyền hình mà còn đến nghe phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước. Các buổi triển khai khoa học kỹ thuật, triển khai chương trình kinh tế- xã hội vẫn được diễn ra ở chùa. Chùa là nơi dạy tiếng dân tộc, dạy văn hoá, đạo đức và cả nghề truyền thống cho người dân.

Ngoài chức năng giáo dục, chùa còn là trung tâm bảo tồn, phát huy ngôn ngữ, phong tục, đạo đức truyền thống của người Khmer. Người Khmer học chữ dân tộc đầu tiên ở chùa. Đây cũng là nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, nơi diễn ra các lễ hội truyền thống như: Lễ Phật Đản; Lễ Chol Chom Thmây (lễ vào năm mới); lễ Sen Dolta (lễ cúng ông Bô)... Chính vì vậy, chùa là nơi thể hiện và lưu giữ các loại hình nghệ thuật đặc sắc của cộng đồng như: kiến trúc, hội họa, âm nhạc, ca múa, truyện, truyền thuyết, kịch...

Mặt khác, đây cũng là nơi nương tựa của những người già, người cô đơn, người có cuộc sống khó khăn, những trẻ mồ côi không người nuôi dưỡng, thậm chí những gia đình khó khăn cũng gửi con vào chùa. Chùa là nơi tiếp khách quý của phum sóc, là nơi họp bàn khi có công việc

chung, là nơi hoà giải mọi sự tranh chấp mâu thuẫn trong gia đình cũng như trong cộng đồng. Mọi việc phức tạp, rắc rối đều được đưa ra bàn bạc ở chùa. Vì vậy, chùa góp phần tạo sự gắn bó và ổn định niềm tin của người dân. Đó là sợi dây gắn kết từng cá nhân trong cộng đồng.

### 5. Kết luận

Từ những gì phân tích ở trên chúng ta thấy rằng: Phật giáo Nam tông chi phối sâu sắc đến đời sống tinh thần của người Khmer Nam bộ. Giáo lý của nhà Phật trở thành quy tắc trong giao tiếp, ứng xử giữa người với người trong cộng đồng. Các nghi lễ gắn liền với cuộc đời của mỗi con người từ khi sinh ra cho tới khi mất đi luôn gắn liền với các nghi lễ tôn giáo. Việc tham gia các hoạt động tôn giáo, hay nói cách khác là các thực hành tôn giáo góp phần hoàn thiện nhân cách, đạo đức của mỗi cá nhân, nó trở thành tiêu chuẩn để cộng đồng nhìn nhận đánh giá đạo đức và nhân cách của cá nhân trong cộng đồng. Ngôi chùa của người Khmer gắn liền với mọi sinh hoạt trong đời sống của người dân, đó là linh hồn của phum sóc, là biểu trưng văn hoá của địa phương. Do đó, để phát huy vai trò của tôn giáo trong việc xây dựng đời sống văn hoá mới cho người Khmer hiện nay, chúng ta cần xây dựng chùa thành tụ điểm văn hoá, là nơi diễn ra các hoạt động tự do tín ngưỡng tôn giáo của người dân nhưng cũng là nơi để người dân sinh hoạt cộng đồng, nơi diễn ra các hoạt động giáo dục, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà Nước, khai thác tốt giá trị đạo đức, văn hoá tốt đẹp của Phật giáo tiểu thừa phục vụ cho việc xây dựng đời sống văn hoá mới. Bởi Đảng ta xác định: “đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới” [5, tr. 184]./.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Đặng Thanh An (2003), “Vài nét về văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào Khmer Nam Bộ”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5-2003, tr. 46-51.
- [2]. Nguyễn Thị Ánh, Nguyễn Thị Nghĩa, (2014), “Thực trạng, giải pháp xóa đói giảm nghèo đối với đồng bào dân tộc Khmer ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, số 30/2014, tr. 84-91.
- [3]. Trần Văn Bính (2004), *Văn hoá các dân tộc Tây Nam bộ, thực trạng và những vấn đề đặt ra*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4]. Phạm Thị Phương Hạnh (2012), *Văn hóa Khmer Nam bộ nét đẹp trong bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia.

[5]. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu tôn giáo và tín ngưỡng (2007), *Tập bài giảng lý luận về tôn giáo và chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

[6]. Trang Thiều Hùng (2013), “Đặc điểm, diện mạo của Phật giáo Nam tông Khmer ở Trà Vinh”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1-2013, tr. 34-40.

[7]. Ngô Văn Lệ (2011), “Các nhân tố văn hóa xã hội đối với sự phát triển và phát triển bền vững của các tộc người thiểu số, trường hợp nghiên cứu người Khmer và Chăm Nam bộ”, Bài tham luận tại *Hội nghị thông báo Dân tộc học năm 2011*, Hà Nội.

[8]. Trần Ngọc Sơn (2012), “Đạo đức xã hội và đạo đức tôn giáo - điểm tương đồng và khác biệt”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 114/12/2012, tr. 3-10.

[9]. Phan Thuận, Lê Thị Thục (2012), “Ảnh hưởng của tôn giáo đến đời sống hôn nhân, một số phát hiện từ tổng quan nghiên cứu”, *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 10, 2012, tr. 20-29.

[10]. Philip Taylor (2004), *Redressing disadvantage or re-arranging inequality? Development interventions and local responses in the Mekong delta*, Social inequality in Vietnam and the challenges to reform, Published in Singapore by Institute of Southeast Asian Studies.

## THE ROLE OF THERAVADA BUDDHISM IN KHMER PEOPLE’S LIFE

### Summary

The article focuses on describing religious beliefs and practices (Theravada Buddhism) to show the role of Theravada Buddhism in the life of Khmer people in South Vietnam. For them, Buddhist philosophy plays a key role in their personality and lifestyle. All important events in their life from birth, up-growth, religious practices in temple, marriage, and death are all distinctively shaped more or less in Buddhist manners. The temple is of great significance in this community.

Keywords: religious beliefs, religious practices, role of Theravada Buddhism, Buddhist philosophy, personality and lifestyle of Khmer people.